

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ma Đức Tuệ.

2. Ông Nguyễn Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị C, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn N, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nông Thị C trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị C và anh N tổ chức đám cưới vào năm 2014 đến năm 2015 thì đi đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn, chị C và

anh N có được tìm hiểu nhau, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Nà P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thời gian đầu chung sống hạnh phúc có hai con chung sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và luôn bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai bên không thể hàn gắn được nữa mà mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/4/2019 cho đến nay, hai bên không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nông Khánh L, sinh ngày 11/4/2015 và Nông Bảo Y, sinh ngày 04/8/2016. Con chung Nông Khánh L hiện nay đang ở với chị C còn con chung Nông Bảo Y hiện nay đang ở với anh N. Vì vậy, khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Khánh L, anh N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Bảo Y. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng bản tự khai bị đơn anh Nông Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị C năm 2015 đã đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn về thời gian tìm hiểu hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục địa phương đúng như chị C đã trình bày. Tuy nhiên, anh N trình bày ý kiến của anh như trong bản tự khai thì trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung. Vợ chồng không còn tình cảm từ ngày chị C (vợ) đi làm công nhân, từ đây khi về vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong tình cảm và công việc. Vì vậy vợ viết đơn ly hôn. Nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn 02 đứa con không muốn 02 con thiếu tình cảm của cha, mẹ. Về con chung nếu ly hôn thật sự thì anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Nông Khánh L, sinh ngày 11/4/2015 và Nông Bảo Y, sinh ngày 04/8/2016.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngoài lời trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ Tòa án còn tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và tình trạng con chung.

Sau thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các bước tố tụng về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành được

là do bị đơn anh Nông Văn N vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành việc giao nhận các văn bản tố tụng cần thiết theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị Nông Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về ly hôn và chị C thay đổi nguyện nuôi con chung và thay đổi là yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và đến trước khi nghị án. Đối với nguyên đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nông Thị C được ly hôn với anh Nông Văn N.

Về con chung: Giao hai con chung Nông Khánh L, sinh ngày 11/4/2015 và Nông Bảo Y, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho hai con chung Nông Khánh L và Nông Bảo Y mỗi cháu là 800.000,đ/01 tháng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTHS, Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng hợp lệ nêu trên, đồng thời niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N tổ chức đám cưới vào năm 2014 cho đến năm 2015 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019. Anh N không đồng ý ly hôn với lý do là vì anh thương các con, không muốn các con thiếu tình cảm của cha mẹ. Tại bản tự khai anh N thừa nhận từ khi chị C đi làm công nhân thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm. Từ đó anh thấy hai bên không còn tình cảm với nhau.

Theo kết quả xác minh tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nơi chung sống của vợ chồng sau khi kết hôn thì cho thấy: Từ năm 2017, sau khi chị C đi làm công nhân thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chị C và anh N đã sống ly thân là thực tế.

Như vậy, xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C và anh N là do hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, xuất phát từ việc hai anh chị không thấu hiểu, chia sẻ lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, hôn nhân thực tế không tồn tại do hai bên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019; hai bên không còn quan tâm cũng như tôn trọng lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xem xét đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C. Nội dung

của Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị C xin được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh N có hai con chung. Hiện nay con chung Nông Bảo Y đang ở với chị C tại nhà ông bà ngoại, con chung Nông Khánh L đang ở với anh N tại nhà ông bà nội. Hai con chung đều đang học tại trường Mầm non xã B, Nông Khánh L học lớp mẫu giáo 4 tuổi hằng ngày được ông, bà ngoại đưa đón đi học và Nông Bảo Y đang học lớp mẫu giáo 3 hằng ngày được ông, bà nội đưa đón đi học. Xét về điều kiện nuôi con chung Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với chị C đang đi làm công nhân, đối với anh N hiện nay không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì, trước ngày xét xử khoảng một tháng chị C vẫn liên lạc được với anh N qua điện thoại, nhiều lần Tòa án mời đến làm việc anh N đều vắng mặt, nên giao hai con chung Nông Khánh L và Nông Bảo Y cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết. Không giao con chung cho anh N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là vì anh N vắng mặt tại địa phương và không có thu nhập ổn định đồng thời anh không cho ai biết địa chỉ anh ở đâu, việc anh N yêu cầu được nuôi con chung là không đảm bảo. Tại phiên tòa chị C cho biết hiện nay chị ở bên ngoại cùng bố và mẹ. Chị xác định ở cùng bố mẹ được lâu dài đến khi bố mẹ ở tuổi già. Đối với hai con hiện nay bố, mẹ còn khỏe sẽ giúp chị trông nom, chăm sóc ăn học khi chị đi làm. Chị sẽ cố gắng nuôi dạy cho ăn, học đầy đủ cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Khi hai con đủ 18 tuổi chị sẽ định hướng tiếp cho hai con sau. Nếu được nuôi hai con mỗi tháng chị về thăm con đều đặn ít nhất một đến hai lần trở lên, mục đích cho hai con chung cùng ở với nhau sẽ gắn bó tình cảm với nhau hơn, từ lý do nêu trên, việc giao hai con chung cho chị C có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị C yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung là 800.000,đ/ một tháng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Anh Nông Văn N phải chịu án cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị C xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nông Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị C được ly hôn anh Nông Văn N.

- Về con chung: Chị Nông Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Nông Khánh L, sinh ngày 11/4/2015 và Nông Bảo Y, sinh ngày 04/8/2016 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là Nông Thị L và Nông Bảo Y với mức mỗi con là 800.000,đ/01tháng (*tám trăm nghìn đồng/1 tháng*). Thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 26 và khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị C đã nộp theo biên lai số 06169 ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Anh Nông Văn N phải chịu án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cạn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Cạn

